

Số: 17/QĐ-MNPC

Quảng Yên, ngày 15 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v Công bố công khai dự toán thu-chi ngân sách nhà nước năm 2025 của trường mầm non Phong Cốc

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON PHONG CỐC

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số: 888/QĐ-PGD&ĐT, ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quảng Yên V/v Giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của bộ phận tài vụ trường mầm non Phong Cốc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán thu-chi ngân sách nhà nước năm 2025 của trường mầm non Phong Cốc (Theo biểu mẫu số 02- Ban hành kèm theo Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các bộ phận của trường Mầm non Phong Cốc và các Phòng, Ban liên quan thuộc và trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (T/h);
- Phòng GD & ĐT, KBNN;
- Lưu :VT, ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Thị Tươi

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường Mầm non Phong Cốc

Chương: 622/071

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 47/QĐ-MNPC ngày 15/01/2025 của Trường mầm non Phong Cốc)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, học phí	0
I	Số thu học phí	0
II	Chi từ nguồn thu học phí được để lại	0
1	Chi hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo (60%)	
2	Dự nguồn tăng lương (40%)	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.511,0
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	5.511,0
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.049,0
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	208
1.3	Kinh phí không thường xuyên (Tiền thưởng)	254

PHIẾU PHÂN BỐ DỰ TOÁN

Nội dung phân bổ: Phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2025
Nguồn Kinh phí thực hiện: Nguồn sự nghiệp giáo dục

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung	Cấp dự toán	Quyết định/ Thông báo giao dự toán		Mã loại dự toán	Mã TKKT	Mã cấp NS	Mã BVQHNS	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTMT, DA và HTCT	Mã KBNN	Mã nguồn NSNN	Số tiền		Số bút toán, số ID, Số giao dịch Dossier
			Số	Ngày										Nợ	Có	
I	Chi đầu tư phát triển	Cấp 0														
		Cấp 1														
		Cấp 4 (Dự toán)														
		Cấp 4 (Lệnh chi tiền)														
		Cấp 0	8226/QĐ-UBND	23/12/2024	01	9213	3	2999206	999	070	99999	2817	29		5.511.000.000	
I	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	Cấp 1														
		Cấp 4 (Dự toán)	8226/QĐ-UBND	23/12/2024	01	9253	3	1059995	622	070	99999	2817	29	5.511.000.000	5.511.000.000	
		Cấp 4 (Dự toán tự chủ)	888/QĐ-PGDDT	27/12/2024	01	9523	3	1105745	622	071	00000	2817	13	5.049.000.000		
		Cấp 4 (Dự toán không tự chủ)	888/QĐ-PGDDT	27/12/2024	01	9527	3	1105745	622	071	00000	2817	12	208.000.000		
		Cấp 4 (LCT tự chủ)	888/QĐ-PGDDT	27/12/2024	01	9527	3	1105745	622	071	00000	2817	18	254.000.000		
II	Chi thường xuyên	Cấp 4 (LCT không tự chủ)														
		Cấp 4 (LCT tự chủ)														
		Cấp 4 (LCT không tự chủ)														
		Cấp 4 (LCT tự chủ)														
		Cấp 4 (LCT không tự chủ)														

Quảng Yên, ngày 03 tháng 01 năm 2025

Quảng Yên, ngày 06 tháng 01 năm 2025

CQ tài chính ghi sổ ngày 06 tháng 01 năm 2025

TRƯỜNG MẦM NON PHONG CỐC

PHÒNG GD&ĐT THỊ XÃ QUẢNG YÊN

PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ HOẠCH THỊ XÃ QUẢNG YÊN

Người lập

Kiểm soát

Thủ trưởng đơn vị

Kiểm soát

Thủ trưởng đơn vị

Người nhập

Kiểm soát

Thủ trưởng đơn vị

Trần Thị Hải

Trần Thị Hải

Nguyễn Thị Tươi

Trần Thị Truân

Nguyễn Thị Thuý

Vũ Mạnh Cường

Vũ Thị Hà

Nguyễn Thị Diệu Thuý



Số: 888/QĐ-PGDĐT

Quảng Yên, ngày 27 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỊ XÃ QUẢNG YÊN

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3884/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt điều chỉnh nội dung tự chủ về nhân lực, tự chủ về tài chính tại Đề án tự chủ của các trường mầm non, phổ thông công lập thuộc Ủy ban nhân dân các thành phố, thị xã giai đoạn 2024-2025;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên: Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 7962/QĐ-UNND ngày 13/12/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh Phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2024-2025 đối với các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở công lập trên địa bàn thị xã; Quyết định số 8226/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025; phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách thị xã năm 2025 và một số biện pháp điều hành ngân sách thị xã năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH thị xã;
- KBNN thị xã;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Lưu: VT, KT (02)/.

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Thúy

Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên
Chương: 622



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 888/QĐ-PGDĐT ngày 27/12/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã)

Đơn vị: Trường Mầm non Phong Cốc

Mã số: 1105745

Mã KBNN nơi giao dịch: 2817

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
I	Phân bổ dự toán thu dịch vụ (học phí)		
1	Dự toán thu	432	
2	Chi từ nguồn thu được để lại	432	
	Chi sự nghiệp giáo dục	432	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	432	
-	Chi lương và các khoản theo lương		
-	Chi hoạt động thường xuyên	432	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.511	
	Chi sự nghiệp giáo dục	5.511	
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ NSNN cấp (=1.1+1.2+1.3+1.4+1.5-1.6-1.7- nguồn CCTL của trường học)	5.049	
1.1	Chi lương và các khoản theo lương (không bao gồm quỹ lương từ nguồn thu của đơn vị)	4.457	
	Trong đó:		
-	Chi từ nguồn CCTL ngân sách thị xã	1.619	
-	Chi từ nguồn CCTL của đơn vị		
-	Chi từ nguồn NSNN cấp còn lại	2.838	
1.2	Kinh phí hoạt động theo định mức (sau khi loại trừ phần kinh phí đã bố trí từ nguồn thu của đơn vị)	459	
1.3	Kinh phí hoạt động bổ sung thêm đối với các trường tiểu học không thu học phí (0,4 triệu đồng/học sinh)		
1.4	Hỗ trợ điểm trường lẻ (50 triệu đồng/trường)	50	
1.5	Kinh phí hoạt động bổ sung để đạt tỷ lệ % quỹ tiền lương/chi khác là 80/20 theo Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Chính phủ và NQ 185/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	221	
1.6	Tiết kiệm 10% chi hoạt động để tạo nguồn CCTL năm 2025 theo quy định	116	
1.7	Tiết kiệm 10% dự toán giao năm 2025 tăng so với dự toán giao năm 2024 sau khi loại trừ các khoản theo quy định	22	
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ NSNN cấp (=2.1+2.2+2.3+2.4+2.5+2.6+2.7+2.8+2.9-2.10)	462	
2.1	Chế độ chính sách cho học sinh các trường công lập	8	
2.2	Chế độ chính sách cho giáo viên	11	

STT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
2.3	Kinh phí quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thiết bị Công nghệ thông tin được đầu tư theo đề án TP thông minh		
2.4	Kinh phí thực hiện đề án dạy bơi		
2.5	Kinh phí hoạt động chung	183	
2.6	Kinh phí mua sắm, bổ sung trang thiết bị trường, lớp học		
2.7	Kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ mầm non	11	
2.8	Kinh phí chi cho chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ		
2.9	Quỹ tiền thưởng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của chính phủ	254	
2.10	Tiết kiệm 10% dự toán giao năm 2025 tăng so với dự toán giao năm 2024 sau khi loại trừ các khoản theo quy định (tại nội dung kinh phí hoạt động chung)	5	